TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thúy An, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 599/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; thường trú: Xóm H, thôn Th S, xã H Ch, huyện H Nh, tỉnh Bình Định; tạm trú: Số 1/12 khu phố T Ph 1, phường T B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; thường trú: Xóm H L 2, xã Qu S, huyện Qu Ph, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 9/9 khu phố T Ph, phường T B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H Ch, huyện H Nh, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57, quyển số 1/2007, cấp ngày 21/9/2007. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại số 9/9 khu phố T Ph, phường T B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện anh H đang chấp hành án phạt tù. Nay nguyên đơn chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Hưng.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Vũ H, sinh ngày 01/12/2018 và Nguyễn Vũ Thủy T, sinh ngày 24/8/2007. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/02/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn Hưng trình bày:

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H Ch, huyện H Nh, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57, quyển số 1/2007, cấp ngày 21/9/2007. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại số 9/9 khu phố T Ph, phường T B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, anh H có đánh chị T một lần, hiện anh H đang chấp hành án phạt tù. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh H mong muốn Tòa án hòa giải để gia đình đoàn tụ, trường hợp chị T kiên quyết ly hôn thì anh H đồng ý.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Vũ H, sinh ngày 01/12/2018 và Nguyễn Vũ Thủy T, sinh ngày 24/8/2007. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung bởi hiện tại anh H đang chấp hành án phạt tù.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Tưởng và anh Hưng do Tòa án tiến hành ngày 08/02/2022, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị T không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007 chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H Ch, huyện H Nh, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57, quyển số 1/2007, cấp ngày 21/9/2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh H hiện đang chấp hành án phạt tù. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, làm cho không khí gia đình ngột ngạt nên tình cảm của nguyên đơn giành cho bị đơn cũng phai nhạt dần. Do, đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Vũ H, sinh ngày 01/12/2018 và Nguyễn Vũ Thủy T, sinh ngày 24/8/2007. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh Hưng cấp dưỡng nuôi con con. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn đồng ý giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại bị đơn đang chấp hành án phạt tù, hiện các con chung đang ở với nguyên đơn mà vẫn phát triển tốt, cháu T cũng mong muốn được sinh sống với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu giao các con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị Tưởng.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57, quyển số 1/2007 do Ủy ban nhân dân xã H Ch, huyện H Nh, tỉnh Bình Định cấp ngày 21/9/2007).

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H giao 02 con chung tên Nguyễn Vũ H, sinh ngày 01/12/2018 và Nguyễn Vũ Thủy T, sinh ngày 24/8/2007 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị T phải tạo điều kiện cho anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000805 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**